

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1246/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Bá Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Cao Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1608/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2613/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn S năm 1959

Địa chỉ: 1 B, khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 190/33 B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: bà Phạm Thị Tuyết P năm 1967

Địa chỉ: 2 đường A, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố H
EFIELD Địa chỉ Bị đơn 23/11/12 đường A, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: ông Nguyễn Văn S1 có yêu cầu vắng mặt, bà Phạm Thị Tuyết P1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 trình bày:

Nội dung khởi kiện: Ngày 01/12/2017 ông Nguyễn Văn S2 Phạm Thị Tuyết P1 mượn số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 01/12/2017. Ông S1 đã giao đủ tiền cho bà P1. Sau đó, ông S3 lần yêu cầu bà P1 trả lại số tiền trên cho ông S1 nhưng bà P1 không hợp tác.

Ngày 24/01/2024, ông Nguyễn Văn S4 giấy “Thông báo thu hồi nợ”, về việc đòi lại tiền cho vay, ông S1 gửi bà Phạm Thị Tuyết P1 yêu cầu bà P1 hoàn trả cho ông S1 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) trước ngày 24/01/2025, nhưng đến nay ông S1 vẫn chưa được bà P1 trả lại số tiền trên. Nguồn tiền ông S1 cho bà P1 vay là của riêng ông S1. Nay ông S1 chỉ yêu cầu riêng đối với bà Phạm Thị Tuyết P2 nợ, ông S1 không yêu cầu gì khác trong vụ kiện này.

Nay ông Nguyễn Văn S5 Tòa án giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị Tuyết P1 phải trả cho ông Nguyễn Văn S6 nợ gốc mà bà P1 còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi: ông S1 không có yêu cầu.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1 trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa;

[1] Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên. Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

[2] Đối với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1 trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và bảo lưu quan điểm của mình; bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và không có yêu cầu gì.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1, về Tranh chấp giữa ông S1 với bà P1 phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1 có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S1 có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là bà Phạm Thị Tuyết P1 thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thanh toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và bản tự khai do nguyên đơn cung cấp. Việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành văn bản theo giấy mượn tiền ghi ngày 01/12/2017. Xét, về nội dung của hợp đồng, căn cứ giấy mượn tiền trên, có cơ sở xác định nguyên đơn ông S1 cho bị đơn bà P1 vay số tiền 100.000.000 đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền. Sau nhiều lần ông S1 liên hệ bà P1 không trả tiền nên ngày 24/01/2025 ông S1 gửi Thông báo thu hồi nợ cho bà P1 yêu cầu bà P1 trả tiền cho ông S1 trước ngày 24/01/2025. Quá trình giải quyết vụ án, bà P1 không đến Tòa và cũng không có yêu cầu phản tố. Xét, từ khi vay tiền cho đến nay bà P1 không thanh toán tiền cho ông S1, mặc dù ông S1 đã nhiều lần yêu cầu bà P1 thanh toán tiền. Như vậy, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền và đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 100.000.000 đồng và đến nay bị đơn chưa trả tiền gốc cho nguyên đơn là có cơ sở, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức và trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện, bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên HĐXX không xem xét gì thêm.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên, HĐXX không xem xét gì thêm.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp pháp. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 6; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 95; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166; Điều 280; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S1.

Buộc bà Phạm Thị Tuyết P1 trả cho ông Nguyễn Văn S1 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) buộc bà Phạm Thị Tuyết P1 phải chịu.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 2 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan